

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019, MỞ TẠI THỊ XÃ BUÔN HỒ**

THI PHẦN III.2 : Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước; Thời gian làm bài: 155 phút

Ngày thi: 27 tháng 9 năm 2019;

Phòng thi số:

SBD	Họ Và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
1	Đặng Thị Ngọc Anh	12/07/1974	02		75	77,5	ba, bảy năm
2	Phạm Tuấn Anh	31/03/1980	02		77	80	ba
3	Nguyễn Thị Vân Anh	03/03/1981	02		68	72,5	ba, hai năm
4	Hứa Thị Ban	22/03/1984	02		56	70	ba
5	Tạ Công Lâm Quốc Bảo	13/04/1981	02		57	70	ba
6	Hà Duy Chung	23/8/86	02		59	70	ba
7	Đoàn Văn Công	10/02/1982	02		58	72,5	ba, hai năm
8	Trần Đình Cường	30/06/1966	02		3	72,5	ba, hai năm
9	Lê Thị Cửu	18/06/1970	02		71	77,5	ba, bảy năm
10	Nguyễn Thị Dung	10/05/1987	02		31	82,5	ba, hai năm
11	Đinh Khắc Dũng	26/08/1979	02		66	75	ba, năm
12	Hồ Tấn Duy	18/10/1980	02		76	72,5	ba, hai năm
13	Hồ Thị Duyên	16/10/1987	02		74	82,5	ba, hai năm
14	Nguyễn Đình Điệp	13/01/1976	02		53	77,5	ba, bảy năm
15	Hoàng Mạnh Đức	02/11/1980	02		20	75	ba, năm
16	Lê Thị Thanh Hải	25/08/1976	02		2	75	ba, năm
17	Lê Trọng Khánh Hòa	11/08/1983	02		61	77,5	ba, bảy năm
18	Nguyễn Đình Hoàng	25/06/1977	02		8	77,5	ba, bảy năm



SBD	Họ Và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
19	Đặng Thị Hồng	25/05/1983	03		7	75	Bảy, năm
20	Nguyễn Văn Hồng	13/05/1979	03		23	725	Bảy, hai năm
21	Trần Hùng	01/10/1964	03		14	775	Bảy, bảy năm
22	Trần Anh Hùng	13/9/1983	03		72	710	Bảy
23	Nguyễn Thị Hương	20/08/1987	03		47	80	Tám
24	Lý Ái Hương	10/03/1981	02		48	775	Bảy, bảy năm
25	Hoàng Thị Hương	10/04/1974	02		16	75	Bảy, năm
26	Nguyễn Văn Hữu	06/11/1978	02		22	775	Bảy, bảy năm
27	Nguyễn Văn Khang	24/01/1978	02		6	75	Bảy, năm
28	Trần Khoa	02/01/1983	02		5	75	Bảy, năm
29	Y Chuen Knul	16/09/1977	02		65	70	Bảy
30	Y Săng Kriêng	23/04/1979	02		62	70	Bảy
31	Nguyễn Quang Lộc	07/10/1970	01		63	65	Sáu, năm
32	Nguyễn Thanh Long	26/06/0975	02		25	775	Bảy, bảy năm
33	Vương Văn Lương	18/08/1973	02		9	725	Bảy, hai năm
34	Lê Thị Luyện	04/02/1975	03		32	775	Bảy, bảy năm
35	Nguyễn Thị Minh	02/10/1975	03		43	825	Tám, hai năm
36	Nguyễn Quang Minh	01/02/1967	02		73	775	Bảy, bảy năm
37	Y Manh Mlô	26/03/1985	02		67	75	Bảy, năm
38	Y Soi Mlô	01/02/1981	02		26	75	Bảy, năm
39	Y Blem Mlô	02/6/1977	03		74	70	Bảy
40	Y Moi Mlô	05/05/1979	02		41	70	Bảy
41	H' Lin Mlô	14/8/1975	02		39	75	Bảy, năm
42	Phạm Nam	12/12/1966	02		51	70	Bảy

SBD	Họ Và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
43	Nguyễn Thị Hoài Nga	03/04/1983	02		35	7.5	Bảy, năm
44	Nguyễn Tam Nga	04/04/1980	02		17	7.25	Bảy, hai năm
45	Hồ Thị Nghĩa	15/05/1984	02		18	7.25	Bảy, hai năm
46	Phùng Thị Nguyệt	21/01/1970	02		28	7.75	Bảy, bảy năm
47	Đỗ Thị Hồng Nguyệt	02/01/1980	02		15	7.25	Bảy, hai năm
48	Y Mắc Niê	09/10/1976	02		51	6.5	Sáu, năm
49	Đặng Văn Phi	17/08/1978	02		67	7.5	Bảy, năm
50	Vũ Thị Ngọc Phương	05/07/1976	02		29	7.25	Bảy, hai năm
51	Trịnh Đình Sáu	04/01/1975	02		42	7.5	Bảy, năm
52	Nguyễn Thị Sỹ	01/02/1983	02		34	8.0	Tám
53	Võ Thị Minh Tâm	18/11/2018 18/11/1977	03		33	8.0	Tám
54	Nguyễn Văn Thái	03/03/1980		Không đủ điều kiện dự thi (chưa học môn này)			
55	Võ Đức Thanh	07/05/1974	03		36	7.5	Bảy, năm
56	Trần Văn Thanh	20/05/1975	02		10	7.5	Bảy, năm
57	Nguyễn Thị Thanh	15/12/1985	02		52	6.75	Sáu, bảy năm
58	Đỗ Minh Thành	12/9/1985	02		30	7.5	Bảy, năm
59	Cao Trí Thảo	20/10/1964	02		11	7.25	Bảy, hai năm
60	Nguyễn Thị Thêu	13/03/1977	02		27	7.5	Bảy, năm
61	Lê Văn Thọ	10/7/1973	02		38	7.5	Bảy, năm
62	Trịnh Đình Thời	10/11/1975	02		106	7.0	Bảy
63	Võ Thị Thương	08/11/1988	02		4	7.75	Bảy, bảy năm
64	Nguyễn Thị Diễm Thúy	13/07/1981	03		12	7.5	Bảy, năm
65	Ngô Hương Thủy	16/04/1983	02		55	6.75	Sáu, bảy năm
66	Vương Thị Thu Thủy	23/08/1983	02		19	8.0	Tám

SBD	Họ Và Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm (số)	Điểm (chữ)
67	Trần Ngọc Hạnh Tiên	03/06/1978	02		29	8,25	Tám, hai năm
68	Bùi Thị Kim Tiến	15/06/1974	02		15	7,5	Bảy, năm
69	Trần Văn Toan	10/7/1974	02		40	7,5	Bảy, năm
70	Nguyễn Văn Toàn	21/05/1979	02		21	7,5	Bảy, năm
71	Nguyễn Trọng Toàn	29/09/1982	02		70	7,5	Bảy, bảy năm
72	Nguyễn Thị Thu Trang	11/08/1982	02		13	7,0	Bảy
73	Trần Chí Trục	09/06/1975	02		69	7,5	Bảy, năm
74	Nguyễn Ngọc Tú	06/08/1982	02		24	7,5	Bảy, năm
75	Hoàng Văn Tuấn	15/04/1983	03		37	8,25	Tám, hai năm
76	Trương Đình Vân	16/09/1983	02		1	7,5	Bảy, bảy năm
77	Văn Tuấn Vũ	20/12/1984	2		60	8,25	Bảy, hai năm
78	Trịnh Thị Yên	25/11/1968	02		50	7,5	Bảy, bảy năm

Tổng số 82 Tờ/ 73 bài

GIÁM THỊ 1

GIÁM THỊ 2

Ngày... 09... tháng... 10... năm 2019
NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Sĩ

BẢN GIÁM HIỆU



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Ngô Hoài Thu

Ngày... 08... tháng... 10... năm 2019
NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai
TRƯỞNG KHOA

Hồ Duyệt Hà